TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HN&GĐ-ST
Ngày: 27/8/2025
V/v : Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Đỗ Thị Hạnh
Các hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Mây và bà Đỗ Thị Ái Thương
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

Ngày 27/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 161/2025/TLST-HN&GĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân Khu vực 10 – Hải Phòng) theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST- HN&GĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số: 09/2025/QĐST-HN&GĐ ngày 19/8/2025 về việc: "*Ly hôn*" giữa:

Nguyên đơn: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên).

Số CCCD: 033089008514 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/04/2021.

Bị đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: tại Khu dân cư N, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là Khu dân cư N, phường N, thành phố Hải Phòng).

Hiện chị Trương Thị H đang chấp hành án tại Đội 58, Phân trại 1, Trại giam H3 (địa chỉ: Khu dân cư T, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương – nay là: Khu dân cư T, phường T, thành phố Hải Phòng).

Số CCCD: 030186005129 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/07/2017.

(*Anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Lưu Văn T trình bày: Anh và chị Trương Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2020 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới về chung sống với bố mẹ anh là ông Lưu Văn A, sinh năm 1963 và bà Đoàn Thị H1, sinh năm 1965 tại Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên). Anh chị về chung sống với bố mẹ anh được khoảng 01 năm thì chị H thường xuyên về bên nhà ngoại ở Khu dân cư N, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là Khu dân cư N, phường N, thành phố Hải Phòng) sinh sống vì chị có mở điện thờ bên nhà mẹ đẻ. Anh cũng theo chị H về K để hỗ trợ công việc cho chị. Từ thời điểm đó, hầu hết là anh chị sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị H. Bố mẹ chị H đã đi làm xa ở trong miền N từ khoảng 20 năm nay nên anh chị về chung sống ở đó nhằm mục đích trông nhà cho bố mẹ chị H và để chị H hành nghề tâm linh (lập điện). Khi đó, vợ chồng vẫn chung sống hoà thuận, chưa phát sinh mâu thuẫn.

Khi về chung sống với chị H ở H, K, Hải Dương, anh vẫn thường xuyên về thăm gia đình anh ở K, Hưng Yên, anh cũng bảo chị H cùng về thăm bố mẹ đẻ anh nhưng chị H không đồng ý. Đến thời điểm này, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn. Hơn nữa, chị H thường xuyên tụ tập bạn bè, đi đêm về hôm và không minh bạch trong vấn đề tài chính chung, việc không có con chung nhưng chị H không đồng ý đi khám bệnh dẫn đến những bức xúc cho bản thân anh. Khoảng tháng 4 năm 2023, anh đã về ở hẳn bên nhà bố mẹ đẻ anh, chính thức ly thân với chị H do những mâu thuẫn trên phát sinh và kéo dài trong thời gian quá lâu mà trong khi đó vợ chồng không thể giải quyết được. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Đến tháng 6 năm 2023, chị H có liên hệ nói muốn ly hôn với anh. Tháng 7 năm 2023, anh có nhìn thấy hình ảnh, video của chị H ôm hôn một người đàn ông khác được chia sẻ rộng rãi trên mạng. Vì vậy, anh đã về trao đổi với chị H và vợ chồng lại to tiếng với nhau. Sau đó vào ngày 08/7/2023, anh đã về K để trao đổi về việc ly hôn với chị H nhưng chị H lại báo gọi công an phường đến nói rằng anh lăng mạ, xúc phạm chị H nhưng không hề có việc đó. Công an phường H đã tiến hành làm việc và lập biên bản hoà giải giữa vợ chồng anh. Sau buổi làm việc này, anh cũng về lại nhà chị H một lần nữa, lần này khi anh đến nhà thấy có nhiều anh em xã hội đen của chị H ngồi trong nhà nên anh cảm thấy rất sợ hãi, vì thế đã gọi báo Công an để đảm bảo an toàn cho bản thân. Lần này, Công an tiến hành lập biên bản về sự việc. Tháng 8 năm 2023, chị H bị bắt vì hành vi vi phạm pháp luật. Nay anh xác định bản thân anh không còn tình cảm gì với chị H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Toà

án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của chị H ngày 16/7/2025 tại trại giam H3, chị H khai: Chị và anh Lưu Văn T đăng ký kết hôn năm 2020. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn đến từ việc anh T có nhiều hành vi không đúng mực với chị, bố mẹ chị. Anh T thường xuyên lăng mạ, xúc phạm chị trên mạng xã hội và đánh đập chị khiến chị phải đi viện. Bản thân chị cũng đã từng làm đơn ly hôn anh T nhưng chưa kịp giải quyết thì chị bị bắt. Bên cạnh đó anh T không tu chí làm ăn. Nay chị xác định vẫn còn nhiều việc giải quyết với anh T. Toà án có hỏi chị giải quyết việc gì và đến nay chị xác định còn tình cảm với anh T hay không thì chị xin được giữ quyền im lặng, không trả lời. Nay anh T xin ly hôn chị, chị không đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại UBND phường N thể hiện: Anh Lưu Văn T và chị Trương Thị H kết hôn năm 2020. Sau khi kết hôn anh chị thường xuyên về KDC N, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là KDC N, phường N, thành phố Hải Phòng) sinh sống do chị H lập điện thờ tại đây. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do thường xuyên xích mích, đánh và chửi nhau, làm mất ổn định tại địa phương, nhiều lần địa phương và công an phường đã phải can thiệp hoà giải, mời anh chị lên trụ sở làm việc nhưng mâu thuẫn của anh chị vẫn rất trầm trọng, không thể giải quyết được. Bố mẹ đẻ chị H vào miền nam sinh sống nhiều năm nay, không về địa phương.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị H1 là bố mẹ đẻ anh T thể hiện: Anh Lưu Văn T và chị Trương Thị H đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2020. Trong cuộc sống cũng thường xuyên mâu thuẫn, chỉ những xích mích nhỏ cũng dẫn đến việc cãi nhau. Chị H thường xuyên đi đêm về hôm, tụ tập bạn bè, dẫn bạn bè về nhà làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ chồng ông bà. Chị H nhiều lúc cũng có những câu nói, lời lẽ to tiếng với vợ chồng ông bà nhưng ông bà đều bỏ qua. Mỗi lần như vậy ông bà đều khuyên bảo chị H nhưng chị không nghe. Sau khi lấy nhau được khoảng 01 năm thì chị H thường xuyên về bên nhà mẹ đẻ chị ở K, Hải Dương. Khi xin về nhà mẹ đẻ, chị cũng xin phép với ông bà, hứa rằng sẽ qua lại cả hai bên, làm tròn nghĩa vụ của người con dâu nhưng chị không thực hiện. Ban đầu chị H cũng thỉnh thoảng về thăm nhưng về sau chị ở hẳn bên nhà mẹ đẻ ở K. Ông bà không hài lòng với những hành vi, ứng xử của chị H với bố mẹ chồng. Nay anh T xin ly hôn chị H, ông bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn chị H. Chị H hiện đang chấp hành án tại trại giam H3, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt quyết định đưa vụ

án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho chị H nhưng chị H đều từ chối không nhận, không ký mặc dù đã được thông báo nội dung giao nhận, chị H nêu rõ quan điểm không về phiên toà, không cần trích xuất về phiên toà. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử cho anh Lưu Văn T được ly hôn chị Trương Thị H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Lưu Văn T yêu cầu xin ly hôn chị Trương Thị H nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Bị đơn chị H có nơi cư trú tại phường N, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trương Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, từ chối tham gia phiên tòa, anh T vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Văn T và chị Trương Thị H kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã V, tỉnh Hưng Yên) là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh T thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị H do trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không còn sự tin tưởng,

yêu thương và tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm nhau. Anh T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4/2023 và vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Chị H cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với anh T, chị cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Anh T vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với chị H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Văn T xin được ly hôn chị Trương Thị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Anh T và chị H đều xác định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H đều xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T có đơn xin ly hôn nên anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Văn T được ly hôn chị Trương Thị H.

2. Về án phí: Anh Lưu Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Hải Phòng) theo biên lai ký hiệu: BLTU/24 số 0002910 ngày 12/6/2025. Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh T, chị H. Anh T, chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 -Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Uỷ ban nhân dân xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Đỗ Thị Hạnh